

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 748/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Ngọc K; địa chỉ: Đường Đ, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn :* Ông Đặng Văn T; địa chỉ: Đường Đ, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21/7/2020, nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc K trình bày:

Tôi và ông Đặng Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị xã S, tỉnh Cao Lạng ngày 24/02/1978, Giấy chứng nhận kết hôn số 48.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T tính tình gia trưởng, thường hay chửi bới vợ con và không quan tâm đến gia đình. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng

không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Ngọc T1, sinh năm 1978; Đặng Ngọc V, sinh năm 1980 và Đặng Thu A, sinh năm 1984; tất cả đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Đặng Văn T.

Bị đơn ông Đặng Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Sổ hộ khẩu số 31100133635 do Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2012 và kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Công an Phường H, quận Tân Bình, ông T đã đăng ký nhân khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Đường Đ, Phường H, quận B. Bà K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông T có nơi cư trú tại quận Tân Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 48 do Ủy ban nhân thị xã S, tỉnh Cao Lạng cấp ngày 24/02/1978, quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị Ngọc K và ông Đặng Văn T là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông T phát sinh mâu thuẫn mà theo bà K trình bày là do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Bà K xác định không còn tình cảm với ông T, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến cũng như quan điểm về tình trạng hôn nhân và bà K có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông T và bà K đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Ngọc T1, sinh năm 1978; Đặng Ngọc V, sinh năm 1980 và Đặng Thu A, sinh năm 1984; tất cả đã thành niên và không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc K về việc “Ly hôn”

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngọc K được ly hôn với ông Đặng Văn T.

1.2/. Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Ngọc T1, sinh năm 1978; Đặng Ngọc V, sinh năm 1980 và Đặng Thu A, sinh năm 1984; tất cả đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

1.3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Ngọc K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0068082 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà Vũ Thị Ngọc K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời **hiệu** thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

5/. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý